



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Logistics Vicem

Ngày 31/12/2024	9,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.1%	-3.1%	4.4%

DT thuần Q4/24
63.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.2 -17.3%
YoY: ▼8.10 -11.4%

LN thuần Q4/24
-2.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.83 -185%
YoY: ▼4.64 -237%

LN sau thuế Q4/24
2.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08 -3.0%
YoY: ▲ 0.28 11.4%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
4.4%
YoY: +/-▲ 0.8%

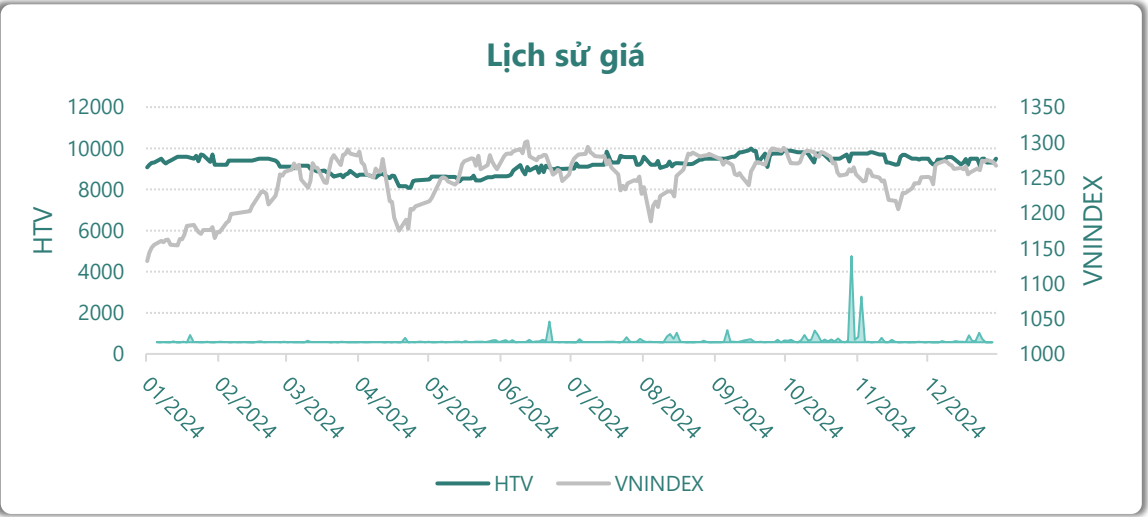
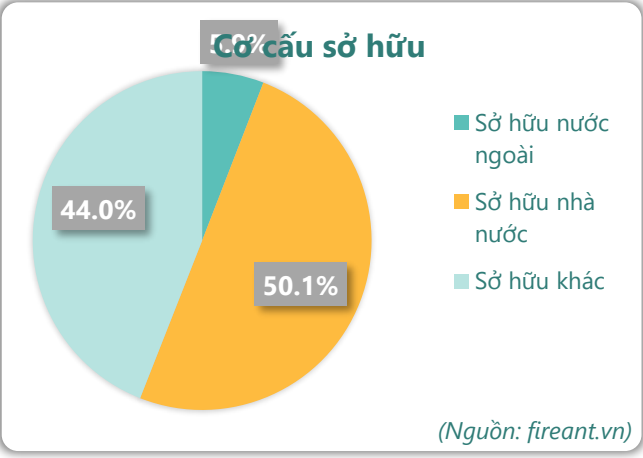
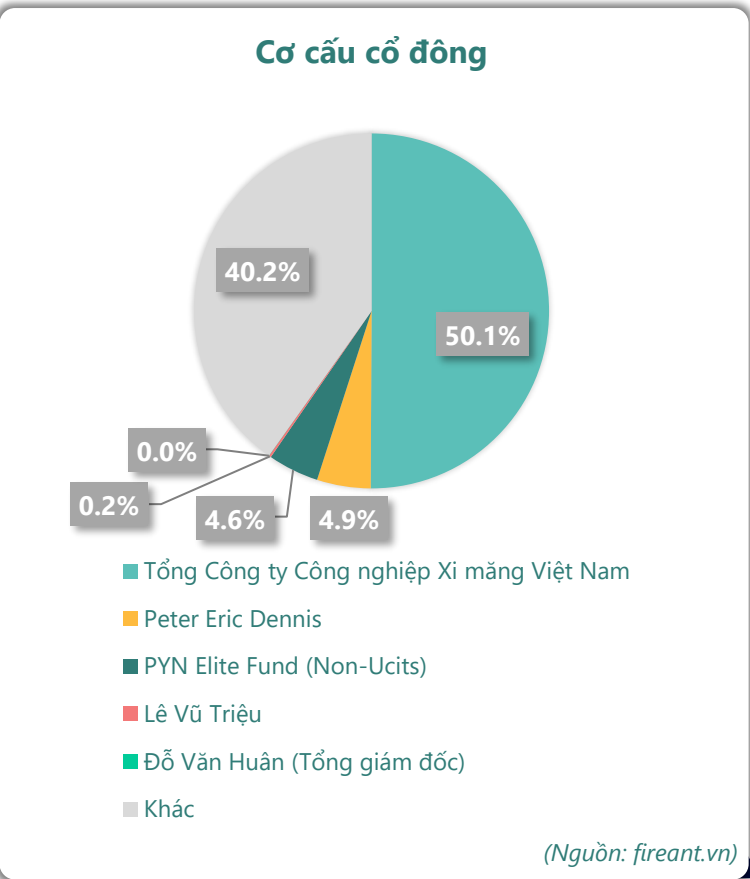
ROE 2024
2.8%
YoY: +/-▲ 0.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,072 - 9,990
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	124
Số lượng CPLH (CP)	13,104,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,290
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	0.16
EPS	415
P/E	22.9

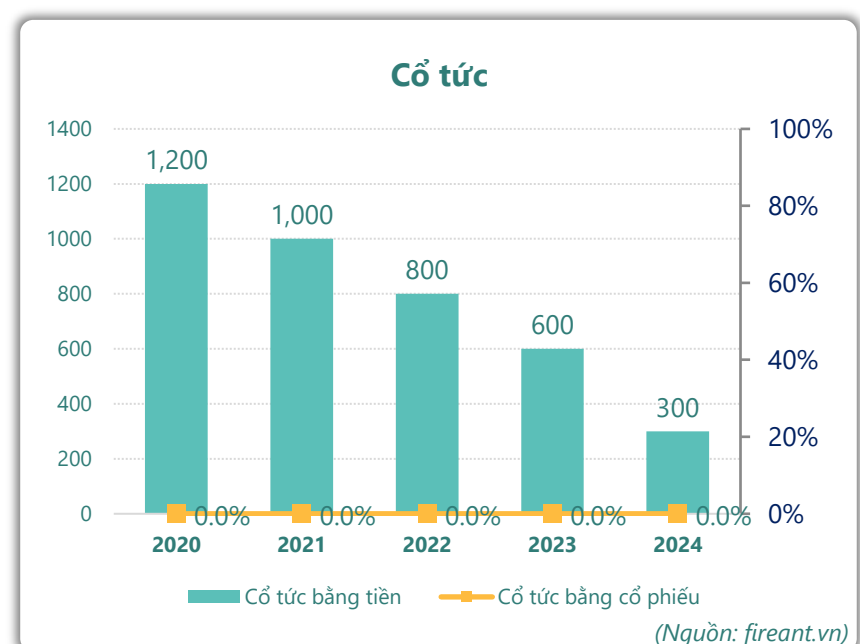
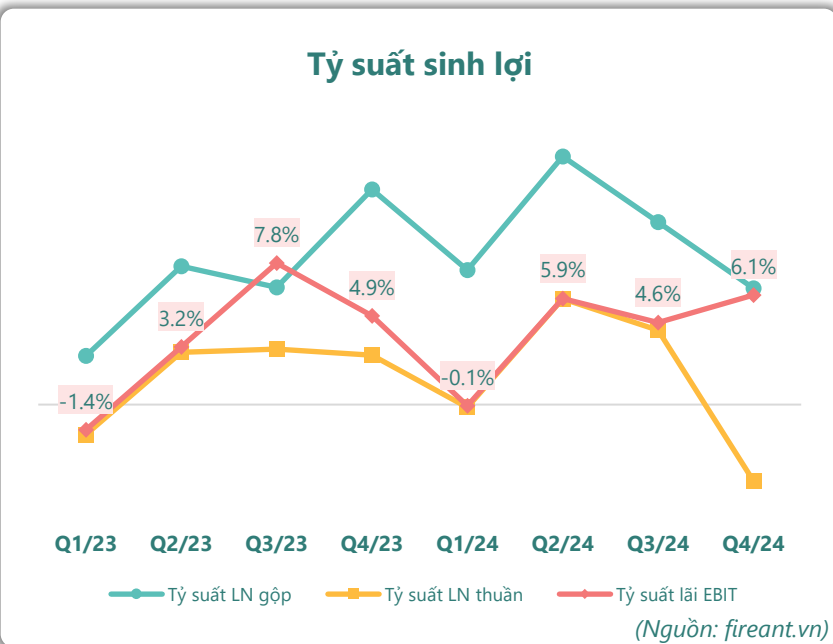
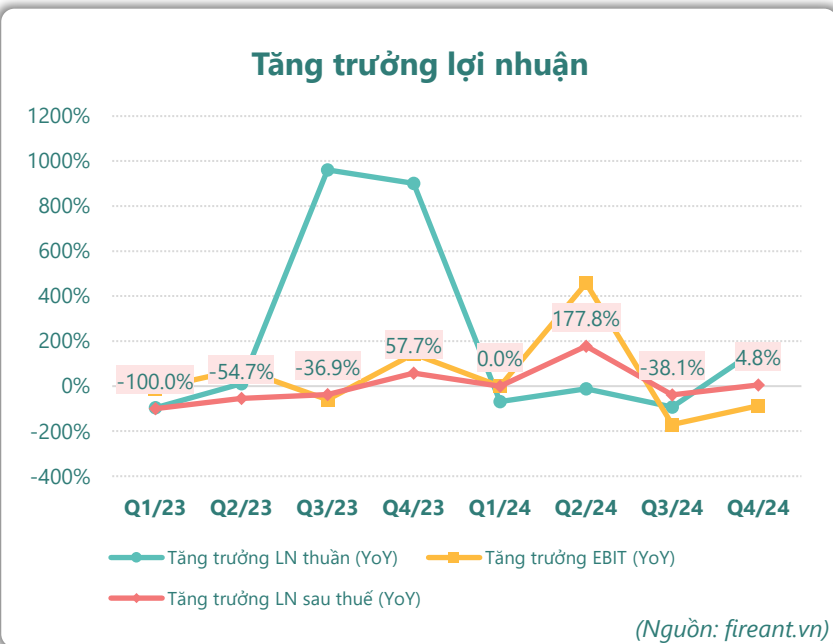
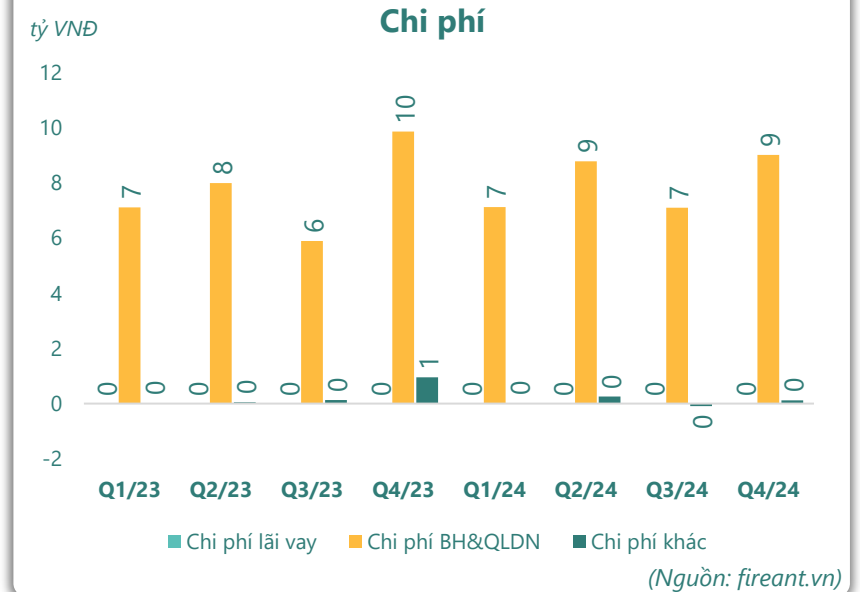
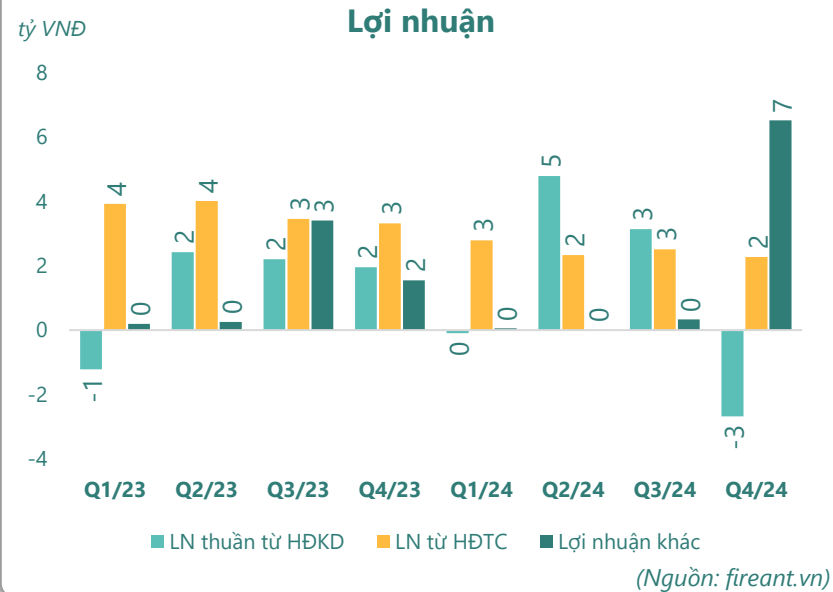
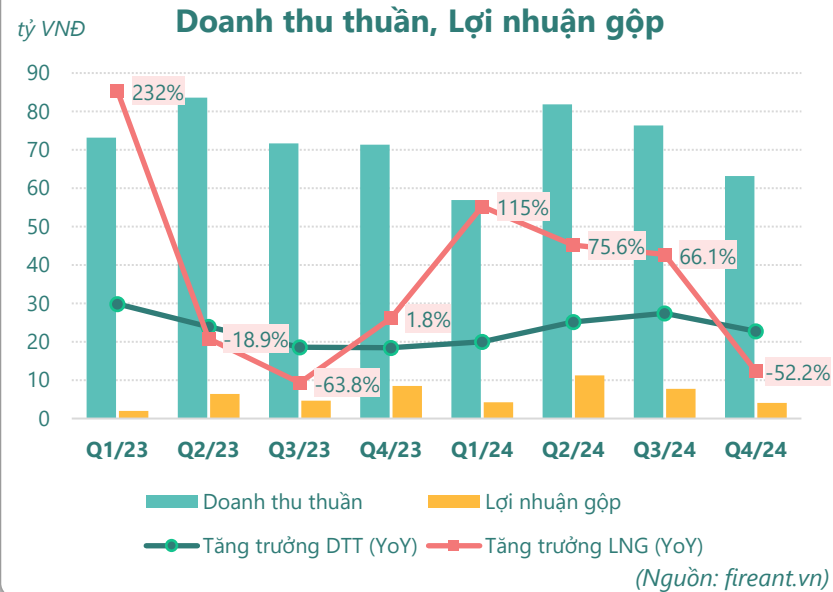
DT thuần 2024
278
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.0 -7.2%

LN thuần 2024
5.29
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.09 -1.6%

LN sau thuế 2024
9.29
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.05 12.7%



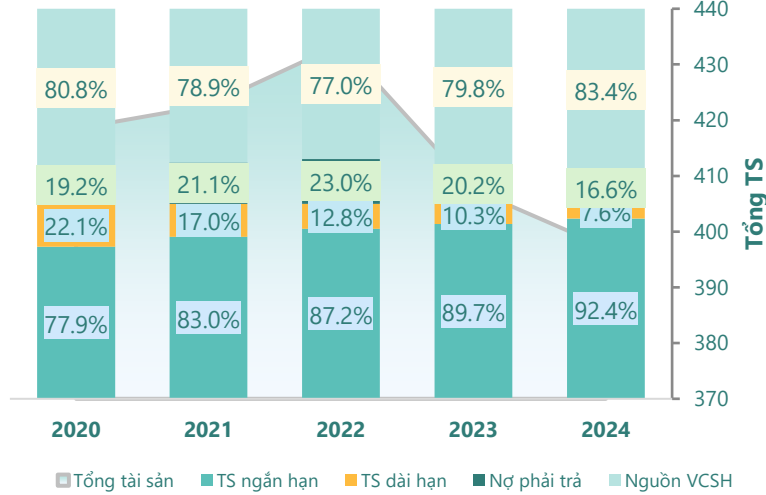
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

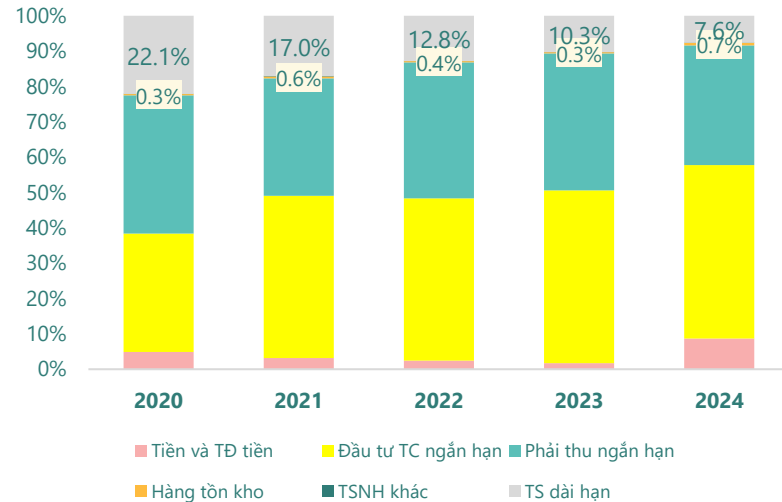
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

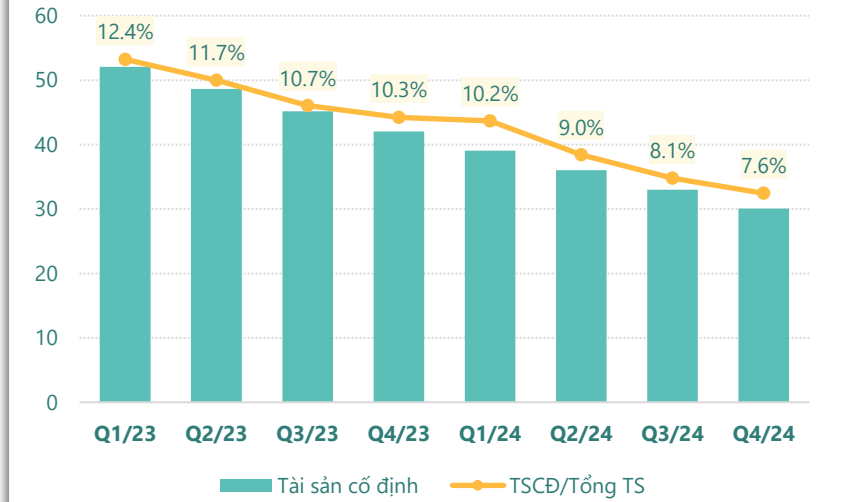
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

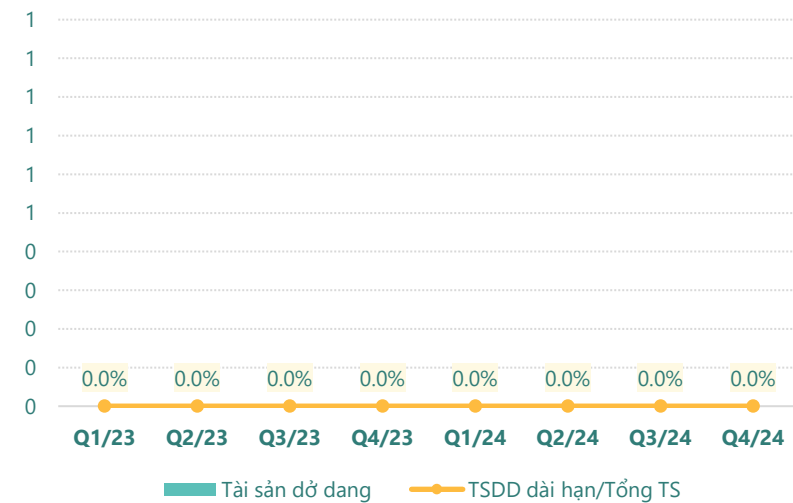
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

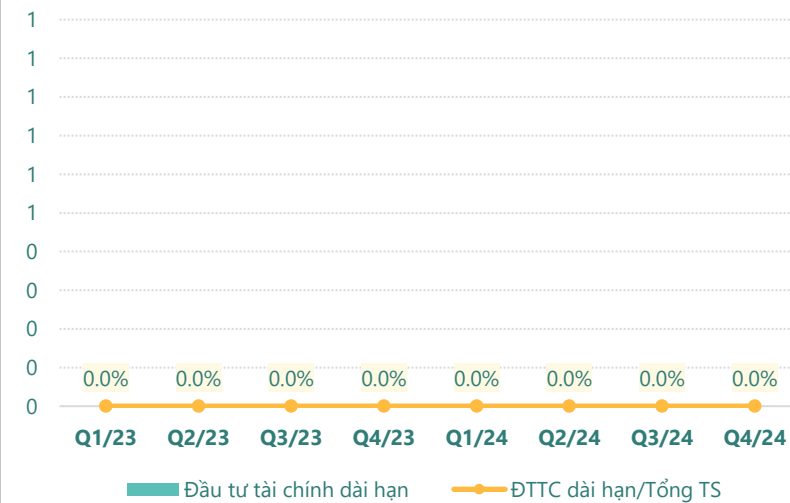
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

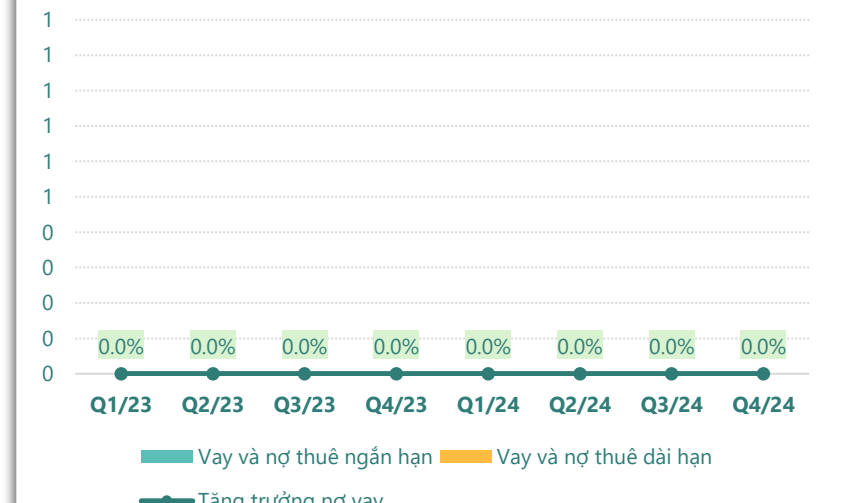
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

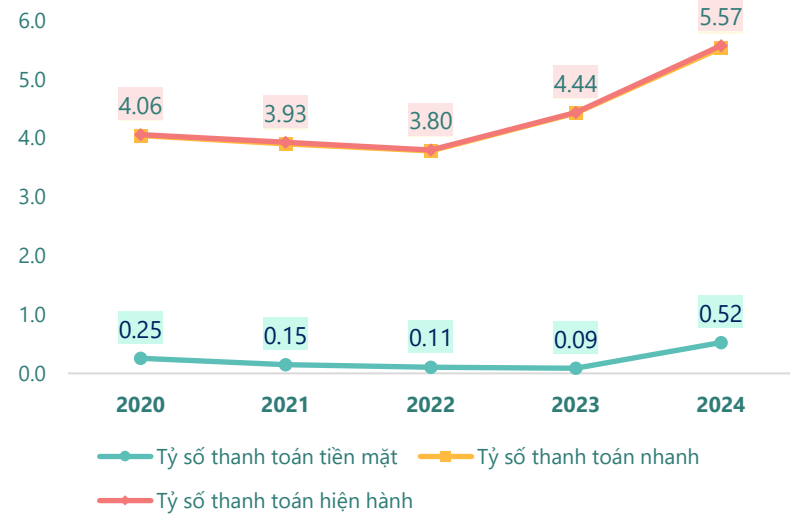
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



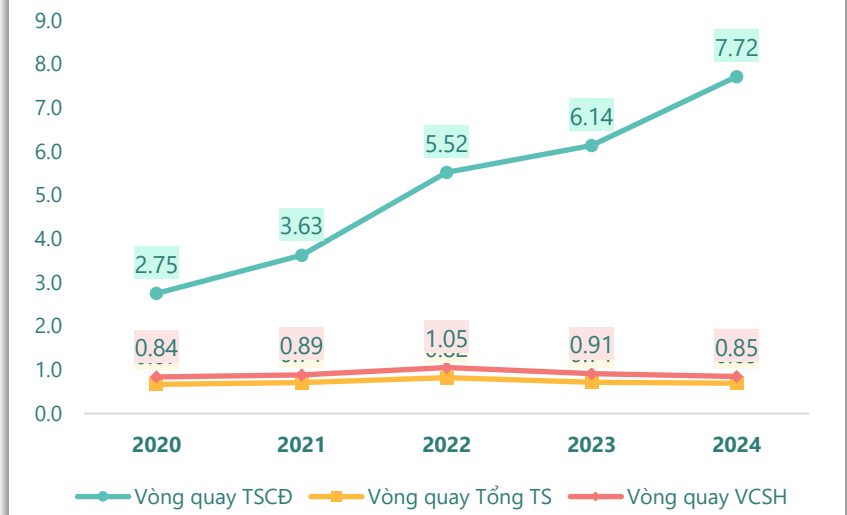
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



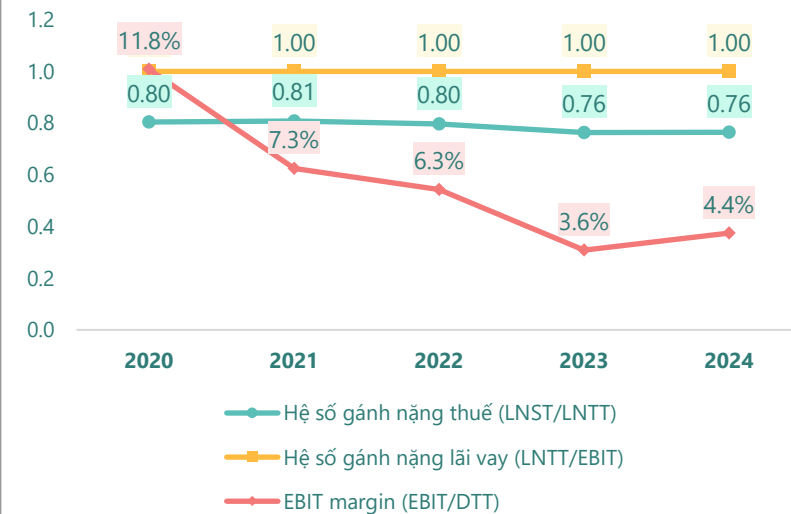
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



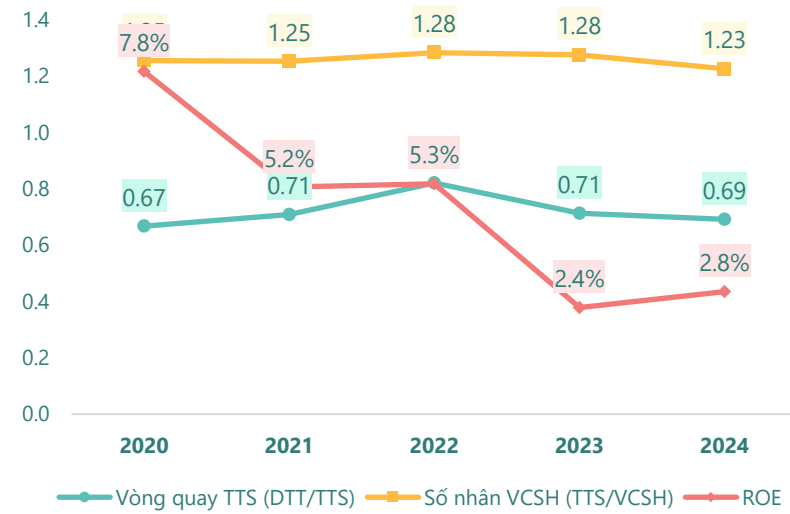
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



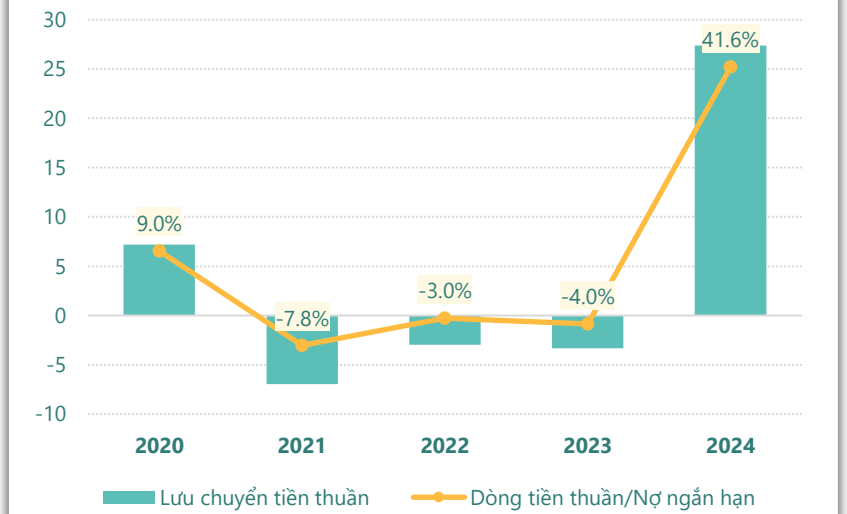
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	63.2	71.3	-11.4%	278	300	-7.2%
Giá vốn hàng bán	59.1	62.8	-5.9%	251	278	-9.8%
Lợi nhuận gộp	4.07	8.52	-52.2%	27.3	21.6	26.7%
Doanh thu HĐTC	2.27	3.32	-31.6%	9.92	14.7	-32.7%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	9.02	9.88	-8.7%	31.9	30.9	3.3%
LN thuần từ HĐKD	-2.68	1.96	-237%	5.29	5.38	-1.6%
Lợi nhuận khác	6.52	1.55	321%	6.86	5.41	26.7%
LN trước thuế	3.84	3.51	9.5%	12.1	10.8	12.6%
Lợi nhuận sau thuế	2.70	2.42	11.4%	9.29	8.24	12.7%
LNST của CĐ cty mẹ	2.70	2.37	13.8%	9.17	8.01	14.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.4	-10.9	4.42	14.8	-4.74	-5.99
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.6	12.0	-4.87	-9.87	24.7	6.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-7.86	0.16	0	-3.93	6.38
Tiền đầu kỳ	7.13	13.9	7.16	6.87	11.8	27.8
Lưu chuyển tiền thuần	6.80	-6.77	-0.29	4.93	16.0	6.76
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.9	7.16	6.87	11.8	27.8	34.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	397	408	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	367	365	0.4%
Tiền và tương đương tiền	34.5	7.16	382%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	195	199	-2.1%
Phải thu ngắn hạn	134	158	-15.0%
Hàng tồn kho	2.73	1.17	133%
Tài sản ngắn hạn khác	0.54	0.01	6858%
Tài sản dài hạn	30.1	42.1	-28.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	30.1	42.1	-28.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	65.8	82.3	-20.1%
Nợ ngắn hạn	65.8	82.3	-20.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	45.9	49.9	-7.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	331	325	1.9%
Vốn chủ sở hữu	331	325	1.9%
Vốn điều lệ	131	131	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

